TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 01 - 2022
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Ông Phạm Văn Long

- Các *Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Hà Thị Dung

- **Thư ký phiên toà**: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2021/TLST - HNGĐ ngày 02/7/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2021/QĐST - HNGĐ ngày 29/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2021/QĐST – HNGĐ ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị R, sinh năm 1987 (vắng mặt – có đơn)

ĐKTT: ấp A, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Chỗ ở hiện nay: ấp G, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị R trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L cưới nhau năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (Ba Tri – Bến Tre) ngày 24/01/2008. Sau khi cưới vợ chồng cất nhà ở riêng tại xã A, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân là do anh L có tính gia trưởng, đồng thời thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, không chăm lo cho vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh L không thay đổi mà còn đánh đập chị, mẹ chồng chị có biết và có khuyên anh L nhưng anh L cũng không nghe. Vợ chồng đã sống ly thân cách nay khoảng 06 năm, trong thời gian sống ly thân hai bên không liên lạc hàn gắng tình cảm vợ chồng, hai bên cũng không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung là Nguyễn Chí V, sinh ngày 21/4/2007 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn L không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị R, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm*:

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

- *Về nội dung vụ án*: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị R được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Chí V, sinh ngày 21/4/2007 cho chị R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận chị R không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Về thủ tục: Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh L vắng mặt không lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị R có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị R và anh L.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị R và anh L cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre ngày 24/01/2008 nên là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến mất hạnh phúc vợ chồng, nhưng hai bên không có biện pháp hòa giải tháo gỡ mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm. Anh L biết việc chị R yêu cầu ly hôn với anh nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã nhiều lần tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến muốn hàn gắn tình cảm với chị R. Điều đó thể hiện anh L đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị R và anh L là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị R với anh L là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị R và anh L có một con chung là Nguyễn Chí V, sinh ngày 21/4/2007. Hiện con chung đang sống cùng chị R. Xét

yêu cầu tiếp tục nuôi con của chị R là có cơ sở, đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc học hành cũng như tâm sinh lý của cháu V và cũng phù hợp với nguyện vọng muốn sống với mẹ của cháu V. Do đó, HĐXX chấp nhận giao con chung cho chị R tiếp tục nuôi dưỡng. Chị R tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên được HĐXX ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị R phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị R ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị R có quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Chí V, sinh ngày 21/4/2007. Ghi nhận chị R tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị R phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007654 ngày 08 tháng 6 năm 2021

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị R đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị R và anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A (Ba Tri – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Long